



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS 1

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Phân tích môi trường
Laboratory:	Environmental Analysis Laboratory
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ
Organization:	Phu Tho Centre for Environment Monitoring and Protection
Số hiệu/ Code:	VILAS 174
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hóa
Field:	Chemical.
Người quản lý/ Laboratory manager:	Tạ Hồng Yến Ta Hong Yen
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày / / 2025 đến ngày 20 / 10 / 2026
Địa chỉ/Address:	Số nhà 430 đường Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ No 430 Nguyen Tat Thanh street, Viet Tri ward, Phu Tho province
Địa điểm/ Location:	Số nhà 430 đường Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ No 430 Nguyen Tat Thanh street, Viet Tri ward, Phu Tho province
Điện thoại/ Tel:	0210.256656
Email:	phongptqt@gmail.com / hongyenmt@gmail.com
Website:	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS 1***VILAS 174****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa****Field of Testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước dưới đất, nước thải, nước mặt, <i>Underground water, waste water, surface water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH</i>	0 ~ 12	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:1994)
2.		Xác định chất rắn lơ lửng bằng cách lọc qua cái lọc sợi thủy tinh <i>Determination of suspended solids by filtration through glass - fibre filters</i>	8,0 mg/L	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
3.		Xác định nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) <i>Determination of Biochemical Oxygen Demand (BOD₅) after 5 days</i>	4,0 mg/L	TCVN 6001-1:2021 (ISO 5815-1:2019)
4.		Xác định hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) <i>Determination of Ammonia content</i>	0,08 mg/L	TCVN 6179-1:1996
5.		Xác định hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) <i>Determination of Nitrat content</i>	0,04 mg/L	TCVN 6180:1996
6.		Xác định hàm lượng sắt (Fe) <i>Determination of Iron content</i>	0,06 mg/L	TCVN 6177:1996 (ISO 6332:1988)
7.		Xác định hàm lượng Mangan (Mn) <i>Determination of Manganes content</i>	0,09 mg/L	SMEWW 3111B:2023
8.	Nước thải, nước mặt <i>Waste water, surface water</i>	Xác định nhu cầu oxy hoá học (COD) <i>Determination of the Chemical Oxygen Demand (COD)</i>	9,5 mg/L	SOP.PT.N.04:2022 (Ref: SMEWW 5220:2023)

Chú thích/ Note: SOP.PT: Phương pháp nội bộ phòng thí nghiệm/ *Laboratory's developed method*

Trường hợp Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Phu Tho Centre for Environment Monitoring and Protection that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*